TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **770**/2024/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 26 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý sơ thẩm số: 461/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2024 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: B11/17C, Ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Lê Thị Tú A**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: B11/17C, Ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Tú A cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và các đương sự đang cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/8/2024, các đương sự thống nhất trình bày:

Các đương sự tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 30/10/2007.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có mẫu thuẫn trong cuộc sống và công việc, tính cách hai người không thể hòa hợp, mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01.2007 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/10/2007 thì có đủ cơ sở để xác định các đương sự là vợ chồng hợp pháp.

Do tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho các đương sự ly hôn.

- Xét về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Tú A có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 16/11/2009 và Nguyễn Thái Th, sinh ngày 05/3/2013. Hai bên thỏa thuận để ông Nguyễn Trọng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Bà Lê Thị Tú A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Xét về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tự nguyện cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Tú A thuận tình ly hôn với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01.2007 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/10/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Tú A xác nhận có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 16/11/2009 và Nguyễn Thái Th, sinh ngày 05/3/2013. Hai bên thỏa thuận để ông Nguyễn Trọng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Bà Lê Thị Tú A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Trọng T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Lê Thị Tú A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm

quyền thi hành việc ông Nguyễn Trọng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Lê Thị Tú A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Trọng T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Nguyễn Trọng T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Trọng T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Tú A chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0033910 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- THADS huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Thu

2 000012 948206